

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2026/HS-ST

Ngày 17/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Đức.

Ông Trần Đình Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đức Quân, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Vũ Đức Hoài, là Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2026/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2026, đối với:

- *Bị cáo* Trần Hữu V, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1996, tại phường N, tỉnh Ninh Bình; nơi thường trú: số nhà A đường C, phường N, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay: thôn L, phường N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx cấp ngày 29 tháng 5 năm 2021; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu K và bà Trần Thị N; có vợ là Bùi Thị A; có một con, sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và quyết định tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 03 tháng 12 năm 2025 cho tới nay; có mặt.

- *Bị hại:* anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn P, xã V, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. NLC1, có mặt.

2. NLC2, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 26 tháng 11 năm 2025, bị cáo Trần Hữu V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen, biển kiểm soát 18B1 xxx.xx đi làm từ xã V về nhà ở thôn L, phường N, cùng tỉnh Ninh Bình. Khi đi qua khu vực nghĩa trang thôn P, xã V, tỉnh Ninh Bình, bị cáo quan sát thấy nhà anh Phạm Ngọc T ở đối diện nghĩa trang chỉ khóa cổng, cửa nhà mở, không có người ở nhà. Do đang thiếu tiền tiêu xài, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản.

Bị cáo quan sát thấy hàng rào lưới B40 bên phải cổng, gần gốc dừa thấp có thể trèo qua nên đã leo vào trong sân, đi thẳng vào phòng khách. Tại phòng khách, bị cáo không nhìn thấy tài sản gì có thể lấy trộm được, bị cáo vào phòng ngủ bên trái (không đóng cửa). Trong phòng ngủ có cửa ra vào gồm một cánh khung gỗ, ô kính, bên trái từ cửa nhìn vào có kê một chiếc giường gỗ, bên phải cửa có kê một tủ gỗ loại tủ gỗ hai cánh, một cánh khóa, một cánh mở. Bị cáo quan sát thấy ở ngăn tủ cửa mở này có ba tầng, hai tầng dưới để quần áo, tầng trên cùng có một chùm khóa gồm hai chìa. Bị cáo đoán đây là chìa khóa cánh tủ còn lại nên đã dùng thử và mở được cánh tủ còn lại. Ngăn tủ này có một tầng, phía trên có treo quần áo bằng mắc, phía dưới có quần áo được gấp gọn, để trên quần áo này có hai con lợn được làm bằng đất nung có kích thước giống nhau, để song song đầu quay vào trong, đuôi quay ra ngoài, từ ngoài nhìn vào con màu vàng được đặt ở bên phải, con màu hồng được đặt ở bên trái. Nghĩ bên trong có tiền tiết kiệm, bị cáo mang cả hai con lợn đất ra ngoài phòng, đặt xuống nền nhà và dùng tay đập vỡ từng con để lấy tiền bên trong. Sau khi lấy toàn bộ số tiền, bị cáo cho vào túi áo khoác bên phải, thu dọn mảnh vỡ mang ra ném xuống mương nước cạnh cổng rồi khép lại cánh cửa tủ, để chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa, sau đó ra ngoài theo lối cũ và điều khiển xe mô tô về nhà.

Về đến nhà, bị cáo lấy số tiền trong túi áo khoác ra đếm được tổng cộng 16.312.000 đồng gồm nhiều mệnh giá khác nhau (không nhớ rõ từng loại), rồi cất lại vào túi áo. Chiều ngày 27 tháng 11 năm 2025, bị cáo kể lại toàn bộ sự việc cho vợ là chị NLC2. Chị NLC2 không đồng ý với hành vi của bị cáo và yêu cầu phải trả lại tiền cho người bị hại. Bị cáo đồng ý giao toàn bộ số tiền cho vợ và chỉ đường đến nhà anh T để trả lại. Buổi tối cùng ngày 27 tháng 11 năm 2025, chị NLC2 cùng bà NLC1 (mẹ của bị cáo) đến nhà anh T xin lỗi và hoàn trả số tiền 16.312.000 đồng. Sau đó, anh T đến Công an xã V trình báo sự việc và giao nộp lại số tiền 16.312.000 đồng cho Công an xã V.

Về vật chứng thu giữ: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu liên quan tới vụ án gồm:

Thu giữ của bị cáo một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius, màu xám đen, biển số 18B1 xxx.xx, số khung x, số máy z, một chiếc áo khoác màu ghi (áo cũ, đã qua sử dụng), một giấy đăng ký xe mô tô biển số 18B1 xxx.xx mang tên Trần Thế T số đăng ký xe mô tô u; thu giữ của anh T số tiền 16.312.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm mười hai nghìn đồng) đây là số tiền bị cáo đã trộm cắp của anh T ngày 26 tháng 12 năm 2025, sau đó bị cáo đã trả lại cho anh T.

Về xử lý vật chứng: Đối với các mảnh vỡ của hai con lợn đất có màu vàng, màu hồng và số tiền 16.312.000 đồng là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị hại là anh Phạm Ngọc T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số B196/QĐ-VPCQCSĐT ngày 03 tháng 12 năm 2025 trả lại cho bị hại.

Đối với một chiếc áo khoác màu ghi (áo cũ, đã qua sử dụng) thu giữ của bị cáo, xét thấy không còn giá trị chứng minh tội phạm và thuộc sở hữu của bị cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số B195/QĐ-VPCQCSĐT ngày 03 tháng 12 năm 2025 trả lại cho bị cáo.

Đối với một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen, mang biển kiểm soát 18B1 xxx.xx. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên thuộc sở hữu của ông Trần Hữu K (là bố của bị cáo). Bị cáo mượn xe để sử dụng làm phương tiện đi lại. Ông K không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Xác định chiếc xe không phải là vật chứng trong vụ án vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình ban hành Quyết định xử lý vật chứng số B1134/QĐ-VPCQCSĐT ngày 26 tháng 01 năm 2026 trả lại chiếc xe cùng giấy đăng ký xe cho ông K.

Ngày 14 tháng 12 năm 2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã định giá tài sản là hai con lợn đất của anh T mà bị cáo đã lấy trộm sau đó đập vỡ. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 05 tháng 01 năm 2026, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã Vụ Bản kết luận: hai con lợn được làm bằng đất nung trên (đã qua sử dụng) có giá trị là 60.000 đồng (sáu mươi nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 27 tháng 11 năm 2025, bị cáo đã nhờ vợ là chị NLC2 trả lại cho anh Phạm Ngọc T số tiền 16.312.000 đồng. Còn đối với hai con lợn đất bị đập vỡ, anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường và cũng không có yêu cầu đề nghị bồi thường gì khác.

Cáo trạng số 56/CT-VKSKV8 ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo về Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi

phạm tội của mình và những tình tiết, sự kiện có liên quan đến vụ án đúng như nội dung đã nêu ở trên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 thực hành quyền công tố, sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo và đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như động cơ mục đích phạm tội, đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm Tội trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 (là bị cáo đầu thú) Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo tù 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Bị cáo nói lời sau cùng là nhận thức hành vi vi phạm pháp luật của mình, mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Xét hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Về tội danh đối với hành vi của bị cáo Trần Hữu V: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với toàn bộ các lời khai của bị cáo, bị hại và người làm chứng đã khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình và phù hợp với toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác còn lại có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ để kết luận: Vào khoảng trưa ngày 26 tháng 11 năm 2025, tại nhà anh Phạm Ngọc T ở thôn P, xã V, tỉnh Ninh Bình, lợi dụng lúc không có người ở nhà, cửa cổng khóa, cửa nhà mở, bị cáo đã lén lút đột nhập vào phòng ngủ nhà anh T, đập vỡ hai con lợn tiết kiệm được làm bằng đất nung có giá trị là 60.000 đồng (sáu mươi nghìn đồng), để trộm cắp số tiền 16.312.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm mười hai nghìn đồng). Tổng số tài sản bị cáo trộm cắp được có giá trị là 16.372.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Đối chiếu hành vi mà bị cáo đã

thực hiện với quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành thì thấy hành vi của bị cáo đã có đủ các yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 (dưới đây viết tắt là Bộ luật Hình sự). Do đó, quan điểm truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình đối với hành vi phạm tội của bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân là ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tự nguyện trả lại cho bị hại số tiền chiếm đoạt là 16.312.000 đồng; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; ngoài ra bị cáo đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt đối với hành vi phạm tội của bị cáo:

Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, giá trị tài sản chiếm đoạt, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhận thấy: Bị cáo có nhân thân tốt; được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, bị cáo có khả năng cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình, không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Theo đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, ngày 27 tháng 11 năm 2025, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, nhờ vợ hoàn trả lại toàn bộ số tiền 16.312.000 đồng cho bị hại. Đối với hai con lợn đất bị đập vỡ, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì khác về dân sự. Như vậy, trách nhiệm bồi thường dân sự trong vụ án đã được giải quyết xong.

[7] Về xử lý vật chứng: Việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình là đã trả lại cho bị hại các mảnh vỡ của hai con lợn đất và số tiền 16.312.000 đồng, trả lại cho bị cáo một chiếc áo khoác màu ghi đã qua sử dụng, trả lại cho ông Trần Hữu K chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 18B1 xxx.xx cùng giấy đăng ký xe. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 36 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Hữu V phạm Tội trộm cắp tài sản.

Căn cứ vào điểm khoản 1 Điều 173; các điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu V 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Hữu V cho Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Trần Hữu V có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo V.

Trong trường hợp bị cáo Trần Hữu V thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo V cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Hữu V phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Phòng PC 01, PV 10, PV 06 Công an tỉnh Ninh Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- Ủy ban nhân dân xã phường N, tỉnh Ninh Bình
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường